

4 Complete the sentences with the correct parts of people's names.

Wǒ shì Dīng Gāo' ān

1 我是丁 高安。

Wǒ xìng

míngzì jiào

我 姓 _____, 名字 叫 _____。

Tā shì Wáng Yúnmíng

2 他是王 云明。

Tā xìng

míngzì jiào

他 姓 _____, 名字 叫 _____。

Wǒ shì Lǐ Wéi

3 我是李 伟。

Wǒ xìng

míngzì jiào

我 姓 _____, 名字 叫 _____。

Tā shì Sòng Yùxīng

4 她是宋 玉兴。

Tā xìng

míngzì jiào

她 姓 _____, 名字 叫 _____。

Wǒ shì Lín Mǎkè

5 我是林 马克。

Wǒ xìng

míngzì jiào

我 姓 _____, 名字 叫 _____。

Tā shì Liú Lì

6 她是刘 丽。

Tā xìng

tā jiào

她 姓 _____, 她 叫 _____。

Tā shì Zhāng Wéi

7 他是张 伟。

Tā xìng

tā jiào

他 姓 _____, 他 叫 _____。

5 Complete the conversation.

永民: 你好!

安娜: (1) _____!

永民: 请问, 你叫什么名字?

安娜: (2) _____ 安娜。你呢?

永民: 我叫永民, Kim Yeong-min。

(3) _____ 你很高兴,

安小姐。

安娜: (4) _____, 我姓Pollard。



Now listen and check the true statements.

- ☐ 5 Anna and Yeong-min are meeting for the first time.
- ☐ 6 Yeong-min's given name is Kim.
- ☐ 7 Yeong-min knows Anna's family name.
- ☐ 8 People often say 认识你很高兴 when they meet for the first time.
- ☐ 9 People often say 对不起 when they meet for the first time.